

CHÍNH PHỦ
Số: 137/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 11 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị định này là: đá, tràng thạch, sỏi, sét, thạch cao, cát, đất, than, nước khoáng thiên nhiên và sa khoáng titan (ilmenit).

Điều 3. Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là các tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản quy định tại Điều 2 Nghị định này.

Chương II

**MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG
PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Điều 4. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được quy định bằng số tiền tuyệt đối tính trên một đơn vị sản phẩm khoáng sản tại nơi khai thác, cụ thể như sau:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá:	m ³	
a	Đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp, vật liệu xây dựng	m ³	2.000
b	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m ³	500.000
2	Tràng thạch	m ³	20.000
3	Sỏi	m ³	4.000
4	Sét	Tấn	1.500
5	Thạch cao	Tấn	2.000
6	Cát:		
a	Cát xây dựng (cát san lấp), cát vàng (cát xây tô)	m ³	2.000

b	Cát thủy tinh	m ³	5.000
7	Đất:		
a	Đất để san lấp	m ³	1.000
b	Đất làm cao lanh	m ³	5.000
8	Than:		
a	Than đá	Tấn	6.000
b	Than bùn	Tấn	2.000
9	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.000
10	Sa khoáng Titan (ilmenit)	Tấn	30.000

Điều 5. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% (một trăm phần trăm) để hỗ trợ cho công tác bảo vệ môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, theo các nội dung cụ thể sau đây:

1. Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.
2. Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.
3. Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 6. Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản có nghĩa vụ:

1. Kê khai, đăng ký nộp phí với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo mẫu quy định trong thời gian chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày được phép khai thác